

Số: 3034 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng diện tích Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam của Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3624/STNMT-PBVMT ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng diện tích Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam của Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam tại Khu công nghiệp Chà Là, ấp Bình Linh, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mở rộng diện tích Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 01/ĐTM ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 6901/TTr-STNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mở rộng diện tích Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam (sau đây gọi là Dự án) tại Khu công nghiệp Chà Là, ấp Bình Linh, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam; Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam; Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014./.

Nơi nhận: *ly*

- Chủ dự án;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQL KKT;
- UBND huyện Dương Minh Châu;
- UBND xã Chà Là;
- Công ty TNHH đầu tư Quốc tế;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

11

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**



Trần Văn Chiến

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN MỞ RỘNG DIỆN TÍCH NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY, DÉP POU HUNG VIỆT NAM CỦA CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)



1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: Mở rộng diện tích Nhà máy sản xuất giày, dép Pou Hung Việt Nam.
- Địa điểm thực hiện: khu công nghiệp Chà Là, ấp Bình Linh, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam.

1.1. Phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích đất của Dự án là 315.727 m².
- Mục tiêu, quy mô:
 - + Sản xuất giày, quy mô 22.000.000 đôi/năm.
 - + Sản xuất dép, quy mô 3.300.000 đôi/năm.
 - + Sản xuất cấu kiện giày dép, bán thành phẩm giày dép, nguyên phụ liệu giày dép quy mô 13.000.000 sản phẩm/năm.

1.2. Các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính: 17 nhà xưởng, nhà điều hành, văn phòng.
- Hạng mục công trình phụ trợ: kho khuôn, kho hóa công, trạm điện, nhà để xe máy, nhà bảo vệ, nhà ăn, nhà y tế, kho hóa chất, nhà trực phòng cháy chữa cháy, bể nước phòng cháy chữa cháy và nhà bơm, đường giao thông, bãi xe buýt (là hạng mục bổ sung thêm có diện tích 15.000m²), ...
- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: kho chất thải rắn thông thường, kho chất thải nguy hại, khu xử lý nước thải, kho chứa rác, cây xanh.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình sản xuất giày gồm:
 - + Quy trình sản xuất mũ giày: nguyên liệu → cắt → ép → dập lỗ → in sơn, thêu vi tính → may → bán thành phẩm mũ giày.
 - + Quy trình sản xuất đế trong: nguyên liệu → pha trộn, cán → vô khuôn định hình → quét keo → ép đế → cắt tia biên → bán thành phẩm đế trong của giày.
 - + Quy trình sản xuất đế ngoài: nguyên liệu → pha trộn, cán → vô khuôn định hình → quét keo → ép đế → gò biên → bán thành phẩm đế ngoài của giày.
 - + Quy trình lắp ráp giày thành phẩm: các bán thành phẩm (mũ giày, đế trong, đế ngoài) → lắp ráp (quét keo, ép nhiệt đế giày, sấy khô keo) → kiểm tra → đóng gói thành phẩm.

- Quy trình sản xuất dép quai rời:

+ Quy trình sản xuất đế ngoài: nguyên liệu → ép khuôn định hình → làm lạnh → cắt, gọt biên → mài nhám → rửa đế → may viền thảm mỹ → kiểm tra → đế ngoài bán thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đế trong: nguyên liệu → ép khuôn định hình → làm lạnh → cắt, gọt biên → mài nhám → rửa đế → quét keo, dán quai → đế trong bán thành phẩm.

+ Quy trình lắp ráp dép quai rời thành phẩm: các bán thành phẩm (đế ngoài, đế trong bán thành phẩm) → lắp ráp, ép đế → kiểm tra → đóng gói thành phẩm.

- Quy trình sản xuất dép liền: nguyên liệu → pha trộn → vô khuôn định hình → cắt biên thừa → đóng gói thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Bụi phát sinh từ các công đoạn: pha trộn nguyên liệu, cắt, may, dập lỗ, mài nhám, gọt biên.

- Hơi dung môi phát sinh từ các công đoạn: quét keo, dán keo, sấy khô keo, lắp ráp, in sơn.

- Khí thải phát sinh từ quá trình vận hành lò hơi.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại Dự án.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa đế giày, vệ sinh khuôn in sơn, vệ sinh máy móc thiết bị, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại Dự án khoảng $500\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần của nước thải: chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD_5 , COD, amoni, nitrat, phosphat coliform,...

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn khoảng $205,63\text{m}^3/\text{ngày}$, thành phần của nước thải gồm: chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD_5 , COD,...

- Nước thải sản xuất gồm:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình rửa khuôn in sơn khoảng $20\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần của nước thải: chất thải rắn lơ lửng (SS), độ màu, BOD, COD, phenol, xianua,...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình rửa đế giày khoảng $18\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần của nước thải: chất thải rắn lơ lửng (SS), độ màu, BOD, COD,...

+ Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi định kỳ xả thải khoảng $4\text{m}^3/\text{lần}$; thành phần của nước thải gồm: chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD, COD,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ các công đoạn: pha trộn nguyên liệu, cắt, may, dập lỗ, mài nhám, gọt biên.

- Hơi dung môi phát sinh từ các công đoạn: quét keo, dán keo, sấy khô keo, lắp ráp, in sơn; thành phần khí thải: etylaxetat, cyclohexanon, Methyl Ethyl Ketone (MEK), acetone,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu củi vận hành 02 lò hơi: gồm 01 lò hơi có công suất 10 tấn hơi/giờ và 01 lò hơi dự phòng có công suất 08 tấn hơi/giờ; thành phần khí thải: bụi, SO₂, NO_x, CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên; bao gồm: bao bì, vỏ chai đựng thức uống, hộp thức ăn thừa,... khối lượng khoảng 1.250 kg/ngày;

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ sản xuất, bao gồm: bao bì nylon, thùng carton, giấy vụn phòng bị lỗi, da vụn, vải vụn, pallet gỗ thải, đế giày và dép lỗi thải bỏ,... khối lượng khoảng 2.204.129 kg/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, bao gồm: các loại dầu mỡ thải, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ, bao bì thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,... khối lượng khoảng 750.122,5 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng, xưởng sản xuất, nhà nghỉ giữa ca được xử lý bằng bể tự hoại và nước thải từ khu nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu, tất cả thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 2.000 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Chà Là.

- Nước thải sản xuất: nước thải phát sinh từ quá trình rửa khuôn in sơn tại các nhà xưởng có công đoạn in sơn được dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; nước thải rửa đế giày, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi thu gom về hệ thống xử lý nước thải có công suất 2.000 m³/ngày.đêm của Dự án để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Chà Là đúng theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 01.2017/HĐXLNT-IID&POUHUNG ngày 01/5/2017 giữa Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam và Công ty cổ TNHH đầu tư Quốc Tế.

Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải từ quá trình rửa khuôn in sơn gồm 04 hệ thống, có công suất 18m³/ngày.đêm/hệ thống (do các nhà xưởng có công đoạn in sơn nằm cách xa nhau nên Chủ dự án bố trí 04 hệ thống ở 04 vị trí để xử lý sơ bộ nước thải

rửa khuôn in sơn trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án và có chung quy trình công nghệ như sau: nước thải in sơn → song chắn rác → bể thu gom → thiết bị phản ứng kết hợp lắng → bồn trung gian → bồn lọc → hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung của Dự án có công suất 2.000 m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có quy trình công nghệ như sau: nước thải → song chắn rác → bể điều hòa → bể kỵ khí → bể hiếu khí → bể trung gian → bồn lọc cát → bồn lọc than → bể chứa sau lọc → bể khử trùng (chất khử trùng là NaOCl) → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Chà Là.

3.2. Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Lắp đặt 140 thiết bị lọc bụi túi vải tại công đoạn mài để để thu bụi.

- Lắp đặt 04 Cyclon thu bụi tại các công đoạn: trộn, tạo hạt, cắt, cán để thu bụi.

- Lắp đặt 94 hệ thống xử lý hơi hóa chất tại khu vực quét keo, dán keo, sấy khô keo, lắp ráp, in sơn theo phương án khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT với các hệ số theo quy định trước khi thải ra môi trường; quy trình công nghệ thu gom, xử lý hơi hóa chất như sau: hơi hóa chất → chụp hút → quạt hút → tháp hấp phụ (vật liệu hấp phụ là than hoạt tính) → ống thải.

- Lắp đặt 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải riêng biệt cho 02 lò hơi (lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ và lò hơi dự phóng công suất 8 tấn hơi/giờ) theo phương án bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với các hệ số Kp, Kv theo quy định trước khi xả ra môi trường; quy trình công nghệ xử lý của mỗi hệ thống như sau: bụi, khí thải → buồng lắng bụi → tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH) → ống thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy tại các khu vực nhà xưởng sản xuất, văn phòng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại hàng ngày về khu vực lưu trữ.

Các loại phế liệu đế giày, đế dép bị lỗi trong quá trình sản xuất phát sinh khoảng 6.179 kg/năm, Công ty thu gom tập trung chuyên qua khu xay, nghiền thành bột làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất đế giày, đế dép phục vụ cho hoạt động sản xuất của Dự án.

Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại đúng theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, cụ thể như: Thiết kế mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ, có biện pháp hoặc

thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau, không để chất thải nguy hại dạng lỏng chảy tràn ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; kho lưu giữ chất thải nguy hại phải được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, lắp đặt biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

- Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: kiểm tra, thẩm định máy móc, thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế trước khi lắp đặt; thi công nền móng đảm bảo quy chuẩn, kỹ thuật về xây dựng để lắp đặt máy móc, thiết bị có công suất lớn; bổ sung các giải pháp kỹ thuật như lắp đặt đệm chống ồn, rung đối với các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn; định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: nước mưa → thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Dự án → đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Chà Là.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải, bụi, khí thải, hơi dung môi, hóa chất: thực hiện phương án phòng ngừa ứng phó sự cố theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định đảm bảo hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Thiết kế, xây dựng kho hóa chất đúng theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 04 hệ thống xử lý nước thải sơ bộ từ quá trình rửa khuôn in sơn công suất 18 m³/ngày.đêm/hệ thống.

- 01 hệ thống xử lý nước tập trung của Dự án có công suất 2.000 m³/ngày.đêm.
- 140 thiết bị lọc bụi túi vải.
- 04 Cyclon thu bụi tại các công đoạn: trộn, tạo hạt, cắt, cán.
- 94 hệ thống xử lý hơi hóa chất tại công đoạn: quét keo, dán keo, sấy khô keo, lắp ráp, in sơn.
- 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- 01 dây chuyền tái chế phế liệu là đế giày, đế dép có công suất 500 kg/ngày.
- Khu lưu giữ rác thải sinh hoạt.
- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Khu lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1 Chương trình giám sát bụi, khí thải.

5.1.1. Bụi sau hệ thống xử lý Cyclon tại các công đoạn: trộn, tạo hạt, cắt, cán.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Vị trí giám sát: 04 vị trí (tại các ống thoát khí thải sau Cyclon thu bụi xả ra môi trường).
- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi tổng.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B với các hệ số theo quy định.

5.1.2. Hơi hóa chất sau hệ thống xử lý tại công đoạn: quét keo, dán keo, sấy khô keo, lắp ráp, in sơn:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 94 vị trí (ống thoát khí sau hệ thống xử lý hơi dung môi xả ra môi trường).
- Thông số giám sát: lưu lượng, etylaxetat, cyclohexanon.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với với một số chất hữu cơ với các hệ số theo quy định.

5.1.3. Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (tại các ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải xả ra môi trường).
- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi, SO₂, CO, NO_x. *14*

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B với các hệ số theo quy định.

5.2. Chương trình giám sát nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải nước thải tập trung tại hố ga đầu nổi nước thải với KCN Chà Là.

- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, độ màu, TSS, BOD₅, COD, tổng Nitơ, Tổng photpho, amoni, sunfua, clo dư, phenol, xianua, coliforms.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.3 Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất: thường xuyên, liên tục.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý đạt Cột B, QCVN 40:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Chà Là.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý, kiểm soát chất lượng nước thải của Dự án trước khi đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Chà Là.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải, hơi dung môi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với các hệ số theo quy định và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại

QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, vận hành, kết thúc dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên. /.